

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 203/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 20/9/2022

V/v: “Ly hôn; tranh chấp về  
nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Thanh Tuấn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Hòa;

2. Ông Nguyễn Việt Hoàn.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Hải Minh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:**  
Bà Phạm Thị Thùy – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 107/2022/TLST-HNGĐ ngày 26/4/2022 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 270/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022, Thông báo thay đổi lịch mở phiên tòa số 188/2022/TB-TA ngày 05 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị M, sinh năm 1982.

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã G, thành phố Hải Dương

Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan.

Người nhận ủy quyền giao nhận tài liệu cho chị M: Ông Nguyễn Thanh H – Văn phòng luật sư B.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thế A, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Thôn T, xã G, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Phạm Văn M1, sinh năm 1957 và bà Phùng Thị T, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã L, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

*Các đương sự đều vắng mặt. (Chị M, anh Thế A có đơn xin xét xử vắng mặt).*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, chị Phạm Thị M trình bày: Chị và anh Nguyễn Thế A được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã G ngày 07/11/2003, sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được 15 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân không hòa hợp. Anh Thế A thường xuyên ghen tuông và mắng chửi chị M khiến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Đến ngày 12/9/2018 do không thể tiếp tục chung sống nên chị M đi lao động tại Đài Loan. Sau đó, vợ chồng không còn liên lạc gì với nhau, không ai quan tâm đến cuộc sống riêng của nhau và ly thân từ đó đến nay. Chị M xác định mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Thế A.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị M và Anh Thế A có 02 con chung là Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh ngày 08/02/2005 và Nguyễn Ngọc T2, sinh ngày 31/12/2009. Hiện nay, cháu T1 và cháu T2 đang ở cùng bố tại Thôn T, xã G, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Khi ly hôn, chị M có nguyện vọng được nuôi dưỡng các con chung. Trong thời gian chị M chưa thể về nước thì ông Phạm Văn M1 và bà Phùng Thị Tước là bố mẹ đẻ của chị M sẽ thay mặt chị nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu và không yêu cầu anh Thế A cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình: Chị M không đề nghị Tòa án giải quyết.

**Bị đơn anh Thế A có quan điểm:** Anh và chị M tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã G ngày 07/11/2003, sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được 15 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, tháng 8/2018 chị M tự ý đi lao động tại nước ngoài, không bàn bạc với chồng con. Trong suốt thời gian chị M đi nước ngoài vợ chồng ít liên lạc, không còn quan tâm đến nhau, nhưng anh Thế A luôn nghĩ về gia đình, muốn các con có đầy đủ bố mẹ nên không muốn ly hôn. Tuy nhiên, chị M kiên quyết đòi ly hôn, anh Thế A hoàn toàn đồng ý ly hôn với chị M. Đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho chị M và anh Thế A để cả hai sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung, trong thời kỳ hôn nhân, chị M và anh Thế A có 02 con chung như chị M trình bày. Hiện nay, cháu T1 và cháu T2 đang ở cùng anh Thế A và ông bà nội. Nay các cháu đã lớn và đều có nguyện vọng ở với mẹ, trong thời gian chị M ở nước ngoài các cháu có nguyện vọng được ở với ông bà ngoại nên anh Thế A đồng ý để chị M trực tiếp nuôi dưỡng các con chung. Về tài sản chung, nợ chung, anh Thế A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo thông tin do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cung cấp tại Công văn số 10409/QLXNC-P5 ngày 19/5/2022 thể hiện: Chị Phạm Thị M, sinh ngày

12/8/1982, có thông tin xuất, nhập cảnh nhiều lần; lần cuối xuất cảnh ngày 13/9/2018 bằng hộ chiếu số C5685497 qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên tòa, chị M, anh Thế A và các đương sự khác đều vắng mặt (chị M, anh Thế A có đơn xin xét xử vắng mặt).

*Quan điểm của đại diện VKSND tỉnh Hải Dương:* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn cơ bản đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn của chị M và anh Thế A đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận xử cho chị Phạm Thị M ly hôn anh Nguyễn Thế A; về con chung, giao cháu Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh ngày 08/02/2005 và Nguyễn Ngọc T2, sinh ngày 31/12/2009 cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Thế A không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về án phí: Chị M phải chịu án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thị M là người Việt Nam có hộ khẩu thường trú tại Hải Dương, hiện đang sinh sống tại Đài Loan có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Thế A có hộ khẩu thường trú tại Hải Dương. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 37, Điều 39, Điều 464 BLTTDS, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa, chị M, anh Thế A, ông M1 và bà Tước đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh Thế A được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã G ngày 07/11/2003. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được 15 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân không hòa hợp. Anh Thế A thường xuyên ghen tuông và mắng chửi chị M khiến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Đến ngày 12/9/2018, chị M đi lao động tại Đài Loan. Sau đó, vợ chồng không còn liên lạc gì với nhau, không ai quan tâm đến cuộc sống riêng của nhau và ly thân từ đó đến nay. HĐXX xét thấy, hôn nhân của chị M và anh Thế A đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mỗi người ở một nước khác nhau, không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho chị M ly hôn với anh Thế A là phù hợp quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ nuôi con chung: Vợ chồng chị M và anh Thế A có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh ngày 08/02/2005 và Nguyễn Ngọc T2,

sinh ngày 31/12/2009. Hiện nay, cháu T1 và cháu T2 đang ở cùng anh Thế A tại Thôn T, xã G, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Khi ly hôn, chị M đề nghị Tòa án cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1, cháu T2 và không yêu cầu anh Thế A cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Bản thân anh Thế A cũng đồng ý để chị M trực tiếp nuôi dưỡng các con chung.

Ông Phạm Văn M1 và bà Phùng Thị Tước là bố mẹ đẻ của chị M xác định sẽ thay mặt chị M trực tiếp chăm sóc cháu Nguyễn Thị Ngọc T1 và Nguyễn Ngọc T2 trong thời gian chị M ở nước ngoài. Xét thấy việc thỏa thuận của các đương sự hoàn toàn tự nguyện, việc giao cháu T1 và cháu T2 cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của các đương sự và các con chung; căn cứ các Điều 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX giao cháu Nguyễn Thị Ngọc T1 và Nguyễn Ngọc T2 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Trong thời gian chị M ở nước ngoài, ông M1 và bà Tước sẽ thay chị M trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1 và cháu T2.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Chị M và anh Thế A không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 464 và Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị M. Xử cho chị Phạm Thị M ly hôn anh Nguyễn Thế A.

2. Về quan hệ nuôi con chung: Giao cho chị Phạm Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh ngày 08/02/2005 và Nguyễn Ngọc T2, sinh ngày 31/12/2009 từ tháng 9/2022 đến khi đủ 18 tuổi trưởng thành. Tạm giao cháu Nguyễn Thị Ngọc T1 và cháu Nguyễn Ngọc T2 cho ông Phạm Văn M1 và bà Phùng Thị Tước là bố mẹ đẻ của chị M nuôi dưỡng, chăm sóc trong thời gian chị M ở nước ngoài. Chị M tự nguyện không yêu cầu anh Thế A cấp dưỡng nuôi con chung. Chị M có quyền khởi kiện yêu cầu anh Thế A cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Thế A có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

**3. Về án phí:** Chị Phạm Thị M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm dân sự (Hôn nhân và gia đình), đối trừ với 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, theo biên lai thu số [AA/2021/0000066](#) ngày 25/4/2022. Chị M đã nộp đủ án phí.

**4. Về quyền kháng cáo:** Chị M, ông M1, bà Tước có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, anh Thế A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã G, tp Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Lưu Tòa.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Vũ Thanh Tuấn**